TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 467/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Lê Tấn C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Đỗ Thị Tuyết N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/4/2008. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung là cháu Lê Đỗ Tấn T và cháu Lê Đỗ Tấn P. Một thời gian sau thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài từ năm 2019 đến năm 2021 thì ông, bà đã sống ly thân cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên ông C, bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người tự lựa chọn cuộc sống riêng cho mình.

2. Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Lê Đỗ Tấn T, sinh ngày 08/02/2009 và cháu Lê Đỗ Tấn P, sinh ngày 23/9/2013. Ông C, bà N thỏa thuận: Giao 02 cháu Lê Đỗ Tấn T và Lê Đỗ Tấn P cho ông Lê Tấn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi); bà Đỗ Thị Tuyết N không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí yêu cầu: Ông C, bà N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004081 ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N.

- Về con chung: Giao 02 cháu Lê Đỗ Tấn T và Lê Đỗ Tấn P cho ông Lê Tấn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; bà Đỗ Thị Tuyết N không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Lê Tấn C và bà Đỗ Thị Tuyết N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004081 ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Tp Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp Huế;
- UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình;
(Đăng ký kết hôn ngày 02/4/2008)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Lê Nhân Đức